TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số:01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04- 01-2023
V/v: "*Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Hương

Ông Trần Nhị Hường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 244/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:116/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước; Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số:07/TB-HNGĐ ngày 19/12/2022; Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1980
- Bị đơn: Phan Hoài N, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:* Bà Phạm Thị H và ông Phan Hoài N sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện và đăng ký kết hôn tại xã Uỷ ban nhân dân xã Tân Quan, huyện Bình Long nay là huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 1999. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, cách suy nghĩ. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, bà H thấy không thể tiếp tục duy trì

cuộc sống hôn nhân với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phan Hoài N

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Phan Hoài P, sinh năm 2000; Phan Huyền T, sinh năm 2004 và Phan Văn P, sinh năm 2014. Khi ly hôn bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được trực tiếp nuôi con Phan Văn P, sinh năm 2014 cho đến khi trưởng thành tự lao động được. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà H tự thỏa thuận với ông N. Đối với hai con chung Phan Hoài P, sinh năm 2000; Phan Huyền T, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H, ông Phan Hoài N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Phan Hoài N trình bày: Ông N và bà H sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện và đăng ký kết hôn tại xã Uỷ ban nhân dân xã Tân Quan, huyện Bình Long nay là huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 1999. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, cách suy nghĩ. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, ông N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Phan Hoài P, sinh năm 2000; Phan Huyền T, sinh năm 2004 và Phan Văn P, sinh năm 2014. Khi ly hôn ông N thống nhất giao cho bà H yêu được trực tiếp nuôi con Phan Văn P, sinh năm 2014 cho đến khi trưởng thành tự lao động được, việc cấp dưỡng nuôi con chung ông N, bà H tự thỏa thuận với ông N. Đối với hai con chung Phan Hoài P, sinh năm 2000; Phan Huyền T, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông N, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H: Ghi nhận tự nguyện của các đương sự bà Phạm Thị H và ông Phan H N thuận tình ly hôn;

Về con chung: Hai con chung Phan Hoài P, sinh năm 2000; Phan Huyền T, sinh năm 2004 đã trưởng thành. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cháu Phan Văn P, sinh năm 2014 cho bà Phạm Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự

tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Hoài N, cư trú tại: Tổ 1, ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Phạm Thị H, ông Phan Hoài N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn đề nghị nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị H và ông Phan Hoài N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 4 năm 1999 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị H, ông Phan Hoài N đều xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng không còn có tình cảm, không chung sống cùng nhau, không quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Phạm Thị H và ông Phan Hoài N thuận tình ly hôn, đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần ghi nhận.

- *Về con chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao con chung cháu Phan Văn P, sinh năm 2014 cho bà Phạm Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Đương sự tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Phạm Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Phan Hoài N (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 12/4/1999 của Ủy ban nhân dân xã Tn, huyện B, tỉnh Bình Phước).

2. *Về con chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao con chung cháu Phan Văn P, sinh năm 2014 cho bà Phạm Thị H cho bà trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Đương sự tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

4.*Về tài sản chung*: Đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

5 Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét

6. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0014130 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

DƯƠNG QUỐC THÀNH